

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN NĂM		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	7.936.026.000	7.936.026.000	8.981.928.202	8.981.928.202	113,18	113,18
I	Các khoản thu 100%	170.000.000	170.000.000	96.318.690	96.318.690	56,66	56,66
1	Phí, lệ phí	20.000.000	20.000.000	38.286.500	38.286.500	191,43	191,43
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	110.000.000	110.000.000	40.954.000	40.954.000	37,23	37,23
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			17.078.190	17.078.190		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	40.000.000	40.000.000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	249.000.000	249.000.000	812.480.501	812.480.501	326,30	326,30
1	Các khoản thu phân chia	94.000.000	94.000.000	325.354.457	325.354.457	346,12	346,12
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12.000.000	12.000.000	222.333.400	222.333.400	1.852,78	1.852,78
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	12.000.000	12.000.000	14.600.000	14.600.000	121,67	121,67
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	70.000.000	70.000.000	88.421.057	88.421.057	126,32	126,32
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	155.000.000	155.000.000	487.126.044	487.126.044	314,27	314,27
2.1	Thu tiền sử dụng đất						
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	85.000.000	85.000.000	263.900.569	263.900.569	310,47	310,47
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	70.000.000	70.000.000	223.225.475	223.225.475	318,89	318,89
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			492.530.511	492.530.511		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			63.572.500	63.572.500		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.517.026.000	7.517.026.000	7.517.026.000	7.517.026.000	100,00	100,00
1	Thu bổ sung cân đối	4.758.000.000	4.758.000.000	4.758.000.000	4.758.000.000	100,00	100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu	2.759.026.000	2.759.026.000	2.759.026.000	2.759.026.000	100,00	100,00